

Phu lục

**NHỮNG YÊU CẦU
KHI NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

1. VỀ HỒ SƠ CỦA THÍ SINH :

Sau khi thu nhận hồ sơ cần kiểm tra lại các thủ tục hồ sơ theo thông báo tuyển sinh của trường đã quy định và phải sắp xếp hồ sơ thí sinh theo trật tự abc của vần tên và họ đệm. Ghi trên góc trên phải của túi hồ sơ số thứ tự thí sinh trong danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển.

2. LẬP DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN THEO MẪU VÀ CÁC YÊU CẦU SAU : (LẬP Ở SHEET1)

Tên đơn vị.....

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC TẠI CHỨC KHÓA — NĂM 200....
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

TT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi làm việc	Thành phần xuất thân	Khu vực	Đối tượng ưu tiên	Nhóm ưu tiên	Loại văn bằng – năm TN	Ký hiệu bằng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
...												

Số vào sổ	Tên đơn vị cấp văn bằng	Ngày tháng năm ký cấp bằng	Họ tên chức vụ người ký cấp	Điện thoại cố định nhà riêng	Điện thoại di động	Điện thoại nơi làm việc (nếu có)	Mã chuyên ngành đăng ký
(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Tổng số cóthí sinh.

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Các yêu cầu khi lập danh sách :

1. Danh sách được nhập trên bảng tính EXCEL, Font ‘.Vntime’ size 12, mỗi nội dung trong 1 cột chỉ nhập trên 1 dòng.
2. Cột 1 : Thứ tự thí sinh (bắt đầu từ 1) được sắp xếp theo thứ tự abc của vần tên và họ đệm của thí sinh đăng ký dự tuyển (xếp chung, không xếp riêng từng ngành)
3. Cột 2 : Họ đệm : nhập họ đệm của thí sinh
4. Cột 3 : Tên : nhập tên của thí sinh

5. Cột 4 : giới tính : thí sinh là nam nhập “Nam”, thí sinh là nữ nhập “Nữ”
6. Cột 5 : Ngày sinh “ nhập ngày sinh của thí sinh theo dạng dd.mm.yyyy (hai chữ số dd chỉ ngày sinh, 2 chữ số mm chỉ tháng sinh, 4 chữ số yyyy chỉ năm sinh. Các thí sinh có ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 đều phải nhập đủ hai chữ số. Ví dụ thí sinh sinh ngày 3 tháng 4 nhập ngày tháng sinh là 03.04
7. Cột 6 : Nơi sinh : chỉ nhập tên tỉnh (thành phố) của nơi sinh
8. Cột 7 : Nơi làm việc : Nhập tên đơn vị thí sinh đang làm việc, nếu chưa có việc làm nhập địa chỉ theo hộ khẩu thường trú (đối với thí sinh ở Thị xã, Thành phố chỉ ghi số Nhà , phố, phường, quận, Thị xã (Thành phố), Thí sinh ở khu vực các xã huyện chỉ ghi tên xã, huyện, tỉnh)
9. Cột 8: Nhập mã số thành phần xuất thân: nếu là công chức viên chức thì nhập số 1, Nông dân nhập số 2, khác nhập số 3.
10. Cột 9: Nhập mã khu vực : Khu vực 1 nhập số 1, khu vực 2 nhập số 2, Khu vực 2 – NT nhập số 3, khu vực 3 nhập số 4. Quy định về khu vực như sau:
 - Khu vực 1 (KV1) gồm: Các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, trong đó có các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.
 - Khu vực 2 – nông thôn (KV2 - NT) gồm: Các xã, thị trấn không thuộc KV1, KV2, KV3.
 - Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thành phố trực thuộc tỉnh (không trực thuộc Trung ương); các thị xã; các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương.
 - Khu vực 3 (KV3) gồm: các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.
11. Cột 10: Nhập đối tượng ưu tiên. Các đối tượng ưu tiên và nhóm ưu tiên được quy định như sau:

Đối tượng ưu tiên	Đặc điểm ưu tiên	Nhóm ưu tiên
00	Không có đặc điểm ưu tiên	0
01	Công dân Việt Nam có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số	1
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 60 tháng trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua, được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen	1
03	Người lao động thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, người được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Người làm việc đủ 60 tháng trở lên thi vào đúng ngành đã được đào tạo	1
04	Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; Quân nhân, công an nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên	1

05	Con liệt sĩ; Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động. Con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học; Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên tại khu vực 1.	1
06	Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở khu vực 1; Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên không ở khu vực 1	2
07	Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động dưới 81%;	2

12. Cột 11: Nhập mã số đối tượng ưu tiên theo mã số quy định ở bảng trên, Ví dụ thí sinh không có đặc điểm ưu tiên nhập '0', thí sinh là dân tộc thiểu số, nhập số '1'...
13. Cột 12 : Loại văn bằng và năm tốt nghiệp : Nhập tên loại văn bằng có trong hồ sơ và năm tốt nghiệp. Ví dụ : PTTH – 2000, BTTH – 1999, THCN – 2001, THN – 2003
14. Cột 13 : Số ký hiệu của văn bằng, Ví dụ Bằng THPT có ký hiệu B0320344
15. Cột 14 : Số vào sổ của bằng tốt nghiệp. Ví dụ bằng PTTH có ghi vào sổ số 2003/PTTH
16. Cột 15 : Tên đơn vị cấp văn bằng. Ví dụ bằng THPT do Sở GD và ĐT Hà Nội cấp ghi "Sở GD và ĐT Hà Nội"
17. Cột 16 : Ngày tháng năm ký cấp văn bằng
18. Cột 17 : Họ tên chức vụ người ký cấp bằng
19. Cột 18: Số điện thoại nhà riêng của thí sinh. Nếu không có để trống
20. Cột 19: Số điện thoại di động của thí sinh. Nếu không có để trống
21. Cột 20: Số điện thoại nơi làm việc của thí sinh. Nếu không có để trống
22. Cột 21: Chuyên ngành: Nhập mã chuyên ngành đào tạo ghi trong thông báo tuyển sinh của trường. Ví dụ dự tuyển chuyên ngành kế toán phải nhập vào cột này số 404.01. Trường hợp toàn bộ thí sinh dự tuyển 1 chuyên ngành thì cột này bỏ trống

Chú ý: Khi in danh sách để thủ trưởng đơn vị ký chỉ cần in nội dung từ cột 1 đến cột 7

3. **MỖI THÍ SINH LẤY RA 1 ẢNH DỜI, CÓ GHI ĐẦY ĐỦ HỌ VÀ TÊN, NGÀY SINH, SỐ THỨ TỰ CỦA THÍ SINH TRONG DANH SÁCH.** Sau đó sắp xếp ảnh của các thí sinh lần lượt từ dưới lên theo thứ tự của danh sách thí sinh dự tuyển.
Chú ý phải để ảnh rời, không bao gói, ảnh không được dây mực.
4. **SAU KHI NHẬP DỮ LIỆU XONG COPY FILE GHI DANH SÁCH RA USB:** chú ý copy thành nhiều file để tránh hư hỏng và gửi file ghi danh sách qua mạng đến địa chỉ Email : luychvd@neu.edu.vn

5. GIAO NỘP HỒ SƠ CHO TRƯỜNG :

Khi nộp hồ sơ cho trường cần chuẩn bị :

- a. Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh
- b. Bằng chính
- c. Các giấy tờ ưu tiên bản chính
- d. Danh sách đăng ký dự tuyển có ký xác nhận của thủ trưởng đơn vị mở lớp.
- e. ảnh của thí sinh
- f. USB sao lưu danh sách.
- g. Lệ phí tuyển sinh (theo thông báo tại công văn trả lời v/v mở lớp của Trường)

6. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ :

Các đơn vị nộp hồ sơ theo đúng thời gian đã ghi trong kế hoạch.

Trường chỉ nhận hồ sơ theo đúng thời gian và chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu nêu trên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN